

Số: 158/2026/QĐST-HNGĐ

Nghệ An, ngày 25 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; CCCD: 040188019373

Địa chỉ: K, phường H, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1980. CCCD: 040080007085

Địa chỉ: K, phường H, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đậu Thị Á, sinh năm 1980

2. Anh Lê Đăng H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: K, phường H, tỉnh Nghệ An.

3. Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc,

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T: Giám đốc ngân hàng N - Chi nhánh H3, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Bá B – Chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng N – Chi nhánh H3, tỉnh Nghệ An.

4. Ngân hàng C2

Địa chỉ: Số A phố L, phường H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H1 – Phó Giám đốc ngân hàng C2 – Phòng G.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 29, 33, 37, 38 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 13/11/2017 cho anh Nguyễn Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 03/9/2023 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị M vì không ai có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Hữu C có quyền thăm non con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về tài sản chung và nợ:

Nguyên đơn chị M và bị đơn anh C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngân hàng N; ngân hàng C2, anh Lê Đăng H và chị Đậu Thị Á thống nhất thoả thuận như sau:

2.2.1. Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu C thống nhất có tài sản chung gồm: Thửa đất số 309 tờ bản đồ số 145 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 132,6 m², diện tích thực tế sử dụng 115,7 m² tại khối A, phường H, tỉnh Nghệ An được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 04711420 ngày 10/10/2025; toàn bộ tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn lợp tôn diện tích 75,82 m²; 01 nhà bếp dựng bằng tôn diện tích 2 m²; mái tôn diện tích 30 m². Trị giá nhà và đất có tổng số tiền là: 913.628.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu C thống nhất có nợ chung gồm nợ Ngân hàng N - Chi nhánh H3, tỉnh Nghệ An tạm tính đến ngày 15/5/2026 là 323.313.973 đồng (trong đó gốc: 320.000.000 đồng; lãi suất 3.313.973 đồng). Nợ riêng của anh C tại Ngân hàng C2 là 200.000.000 đồng.

2.2.2. Anh Nguyễn Hữu C, chị Nguyễn Thị M và anh Lê Đăng H, chị Đậu Thị Á thoả thuận: Anh Nguyễn Hữu C, chị Nguyễn Thị M trả lại diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 16,9 m² tại thửa 309 tờ bản đồ số 145 tại khối A, phường H, tỉnh Nghệ An cho anh Lê Đăng H và chị Đậu Thị Ánh . (Thực tế sử dụng thì không lấn chiếm nên không phải điều chỉnh, chỉ điều chỉnh trên giấy tờ). Phần đất được trả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H chị Á có tứ cận: Phía đông giáp đường dài 0,54m; phía tây giáp thửa 660 tờ bản đồ số 11 dài

0,69m; phía nam giáp thửa 310 tờ 11 của chị Á anh H dài 310 tờ số 11 dài 27,36 m; phía bắc giáp thửa 309 của chị M anh C dài 27,40m.

2.2.3. Anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị M thống nhất giao cho anh Nguyễn Hữu C được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là: Thửa đất số 309 tờ bản đồ số 37 nay là thửa 309 tờ bản đồ số 145 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 132,6 m² tại khối A, phường H, tỉnh Nghệ An, diện tích thực tế sử dụng là 115,7 m² và toàn bộ tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn lợp tôn diện tích 75,82 m²; 01 gian nhà bếp dựng bằng tôn diện tích 2 m²; mái tôn diện tích 30 m². Trị giá nhà và đất được định giá có tổng số tiền là: 913.628.000 đồng.

Nhưng anh Nguyễn Văn C1 phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị M là 300.000.000 đồng.

2.2.4. Anh C1 có nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho ngân hàng N- Chi nhánh H3 tạm tính đến ngày 15/5/2026 là 323.313.973 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-202502735 ngày 21/10/2025. Trường hợp anh C1 không trả được nợ thì Ngân hàng N, chi nhánh H3 có quyền phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 309 tờ bản đồ số 145 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 132,6 m², diện tích thực tế sử dụng 115,7 m² tại khối A, phường H, tỉnh Nghệ An được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 04711420 ngày 10/10/2025 và toàn bộ tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn lợp tôn diện tích 75,82 m²; 01 gian nhà bếp dựng bằng tôn diện tích 2 m²; mái tôn diện tích 30 m², theo hợp đồng thế chấp số 38160 ngày 14/10/2025.

2.2.5. Anh Nguyễn Hữu C có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng C2, phòng G số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 66000000731334163 ngày 7/6/2025; hợp đồng tín dụng số 329/2024/HĐ-TD ngày 05/12/2024 và Hợp đồng tín dụng số 6600000730023020 ngày 07/01/2025.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M thỏa thuận chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn C1 và chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí về việc trả lại đất cho anh H chị Á là 150.000 đồng; kỷ phần mỗi người là 75.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu C phải nộp án phí chia tài sản là 7.258.000 đồng; chị M phải chịu án phí chia tài sản là 7.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí trả nợ cho ngân hàng N là 8.082.000 đồng; kỷ phần mỗi người là 4.041.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu C phải nộp án phí trả nợ cho Ngân hàng C2 là 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền án phí chị Nguyễn Thị M phải nộp là 11.766.000 đồng nhưng được trừ trong số tiền tạm ứng án phí 16.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002584 ngày 12/11/2025 mà chị M đã nộp cho Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Hoàn trả lại cho chị M 4.534.000 đồng.

Tổng số tiền án phí anh Nguyễn Hữu C phải nộp là: 16.374.000 đồng

Hoàn trả cho anh Lê Đăng H và chị Đậu Thị Á số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0000797 ngày 02/02/2026.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (Đối với mục 2.2.3).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 15/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 (Đối với mục 2.2.4, 2.2.5).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Hoàng Mai (xã Quỳnh Trang cũ) (Nơi ĐKKH);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Hà

